

Bản án số: 161 /2022/HS-PT
Ngày: 29-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P và Cao Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Võ Thị M, sinh năm 1989, tại Long An. Nơi thường trú: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C, sinh năm 1936 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1958 (chết); bị cáo có chồng tên Cao Hồng P1, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Cao Văn P, sinh năm 1978, tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S, sinh năm 1936 (chết) và bà Trịnh Thị C1, sinh năm 1940; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Cao Văn T, sinh năm 1986, tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học

vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S, sinh năm: 1936 (chết) và bà Trịnh Thị C1, sinh năm 1940; bị cáo có vợ tên Bùi Thị Cẩm L, sinh năm 1987, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có liên quan đến kháng cáo không triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Hồ Thanh D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Cao Thị H2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Trần Ba T5, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp T4, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Phạm Văn T6, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp N1, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Bùi Thị Cẩm L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

7. Trần Ngọc H3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2021, bị cáo Võ Thị M gặp và quen biết với người nam có tên T7 không rõ nhân thân, lai lịch tại nhà của M thuộc ấp T2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An. T7 kêu bị cáo M tổ chức ghi ô số đề trái phép thắng thua bằng tiền giao phôi cho T7, T7 cho bị cáo M hưởng tiền hoa hồng 02% trong tổng số tiền trên phôi, M đồng ý thực hiện. M sử dụng số điện thoại di động 0969336306 để tổng hợp phôi đề giao cho T7 bằng hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động 0907700684 của T7. Sau đó, M thông báo cho bạn bè và những người xung quanh nhà của M biết việc M có tổ chức ghi ô số đề thắng thua bằng tiền để các con bạc tham gia mua ô số đề với M bằng hình thức gọi điện thoại, nhắn tin qua số điện thoại 0969336306 của M hoặc trực tiếp đến nhà gặp M để mua ô số đề. Khi nhận ô số đề của các con bạc, M nhắn tin lại ô số đề mà các con bạc đã mua vào số điện thoại di động của các con bạc để xác nhận việc đã mua ô số đề. M quy ước tỷ lệ thắng thua được tính theo tỷ lệ loại đề 2 con số tỷ lệ 1 thắng 70, loại đề 3 con số và xiú chủ tỷ lệ 1 thắng 600, loại đề đá đối với các đài xổ số Miền Nam tỷ lệ 1 thắng 500, loại đề đá đối với đài xổ số

Miền Bắc tỷ lệ 1 thắng 600. Sau khi nhận ô số đề của các con bạc M nhắn tin chuyển toàn bộ phôi đề qua số điện thoại 0907700684 cho T7. Đối với các đài xổ số Miền Nam, M tổng hợp phôi đề giao cho T7 trước 16 giờ 05 phút hàng ngày, đối với đài xổ số Miền Bắc M tổng hợp phôi đề giao cho T7 trước 18 giờ hàng ngày. Đến khi có kết quả xổ số các đài Miền Nam, Miền Bắc, M tổng hợp ô số đề nhận được của các con bạc để tính tiền thắng thua, ngày hôm sau M gọi điện thoại hẹn gặp các con bạc tại nhà của M để giao nhận tiền thắng, thua và tính tiền thắng thua với T7.

Đến khoảng 04 giờ ngày 21/6/2021, qua công tác kiểm tra nhân khẩu nhà của bị cáo Võ Thị M, lực lượng Công an xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An phát hiện hành vi ghi ô số đề của bị cáo M vào ngày 20/6/2021 nên tiến hành tạm giữ vật chứng giao lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xử lý.

Kết quả điều tra xác định, vào ngày 20/6/2021, bị cáo Võ Thị M ghi ô số đề cho các con bạc cụ thể như sau:

1. Cao Văn P trực tiếp đến nhà gặp bị cáo M mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 7.200.000 đồng. Sau đó, bị cáo M nhắn tin qua số điện thoại di động 0961341098 của P để xác nhận việc mua ô số đề. Kết quả xổ số P không có trúng thưởng và chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

2. Cao Văn T sử dụng số điện thoại di động 0353219285 nhắn tin cho bị cáo M mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang và Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 216.000 đồng, bị cáo M nhắn tin vào số điện thoại di động 0353219285 của T để xác nhận việc mua ô số đề. Sau đó, T trực tiếp đến nhà gặp bị cáo M mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 6.150.000 đồng, bị cáo M nhắn tin qua số điện thoại di động 0823738238 của T để xác nhận việc mua ô số đề. Tổng số tiền T mua ô số đề của bị cáo M là 6.366.000 đồng, kết quả xổ số T không có trúng thưởng và chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

3. Nguyễn Tấn T3 sử dụng số điện thoại di động 0394826338 nhắn tin mua ô số đề của bị cáo M các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 576.000 đồng. T3 tiếp tục sử dụng số điện thoại di động 0867828418 nhắn tin mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền là 1.080.000 đồng. Tổng số tiền T3 mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang và Kiên Giang là 1.656.000 đồng. Sau đó, T3 sử dụng số điện thoại di động 0934160339 nhắn tin mua ô số đề của bị cáo M đài xổ số miền Bắc với số tiền 1.080.000 đồng. Kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang T3 thắng số tiền 2.100.000 đồng, kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc T3 không có trúng thưởng. T3 chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

4. Hồ Thanh D (G) sử dụng số điện thoại di động 0944493139 nhắn tin mua ô số đề của bị cáo M các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 720.000 đồng. Kết quả xổ số D không có trúng thưởng và chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

5. Cao Thị H2 trực tiếp đến gặp bị cáo M mua ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền trên phôi là 360.000 đồng. Sau đó, bị cáo M nhắn tin qua số điện thoại di động 0394543478 của H2 để xác nhận việc mua ô số đề. Kết quả xổ số kiến thiết các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang, H2 thắng 2.500.000 đồng nhưng chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

6. Trần Ba T5 (B1) trực tiếp đến gặp bị cáo M mua ô số đề đài xổ số Miền Bắc với tổng số tiền là 540.000 đồng. Sau đó, bị cáo M nhắn tin qua số sim 0965261057 của T5 để xác nhận việc mua ô số đề. Kết quả xổ số T5 không có trúng thưởng và chưa chung tiền thắng thua với bị cáo M.

Ngoài ra, bị cáo M trực tiếp bỏ tiền ra mua số đề thắng thua trái phép với T7 các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang tổng số tiền trên phôi là 7.397.000 đồng, mua ô số đề xổ số đài Miền Bắc với số tiền là 7.418.000 đồng. Kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang bị cáo M thắng số tiền là 5.100.000 đồng, kết quả xổ số kiến thiết đài Miền Bắc, bị cáo M thắng số tiền là 10.200.000 đồng nhưng chưa chung tiền thắng thua với T7. Tổng số tiền bị cáo M tham gia đánh bạc các đài xổ số Tiền Giang, Kiên Giang là 7.397.000 đồng + 5.100.000 đồng = 12.497.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo M tham gia đánh bạc đài xổ số Miền Bắc là 7.418.000 đồng + 10.200.000 đồng = 17.618.000 đồng.

Qua điều tra xác định: Khoảng đầu tháng 6 năm 2021, bị cáo Võ Thị M trực tiếp ghi ô số đề, nhận phôi ghi ô số đề trái phép thắng thua bằng tiền cho những người có nhu cầu mua để giao phôi lại cho T7 trung bình mỗi ngày từ 5.000.000 đồng đến 22.520.000 đồng, thực hiện tội phạm trót lọt khoảng 15 ngày. Bị cáo M thu lợi bất chính mỗi ngày thấp nhất 100.000 đồng, cao nhất 450.440 đồng, trung bình 01 ngày thu lợi 450.440 đồng, thu lợi bất chính trong 15 ngày là 4.128.000 đồng (đã giao nộp lại xong).

Bị cáo Cao Văn P, Cao Văn T không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện tội phạm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Thị M 01 (một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Võ Thị M 9 (chín) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Võ Thị M chấp hành hình phạt 1 (một) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Tuyên bố bị cáo Cao Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Cao Văn P 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Cao Văn T 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Do hoàn cảnh của các bị cáo có khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T thực hiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị M về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Cao Văn P, Cao Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Bị cáo M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” không có tình tiết tăng nặng; phạm tội “Đánh bạc” với tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P và bị cáo T phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo M, P, T thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo M tự nguyện giao nộp lại tiền thu lợi bất chính và tiền sử dụng đánh bạc, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P, T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có mẹ (bà Trịnh Thị C1) là người có công cách mạng, là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo P và T mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

- Đối với bị cáo Võ Thị M: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu của bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Võ Thị M vi phạm cùng một lúc 02 tội, trong đó tội “Tổ chức đánh bạc” là tội phạm nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Cao Văn P và Cao Văn T: Các bị cáo kháng cáo có cung cấp hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự thì cũng có khả năng cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị M; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Văn P và Cao Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, cho các bị cáo T và P được hưởng án treo. Các bị cáo T và P không phải chịu án phí. Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T thực hiện kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Võ Thị M, Cao Văn P, Cao Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Ngày 20/6/2021, tại nhà của bị cáo M thuộc ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo M có hành vi ghi ô số đề trái phép thắng thua bằng tiền

cho 05 người tham gia đánh bạc với tổng số tiền mua trên phôi ô số đề các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang là 16.302.000 đồng, trong đó số tiền các con bạc thắng cược là 4.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc trong ngày 20/6/2021 là 20.902.000 đồng. Bị cáo M còn ghi ô số đề cho 02 người tham gia đánh bạc đài xổ số Miền Bắc với tổng số tiền là 1.620.000 đồng. Bị cáo M chưa lấy tiền của các con bạc và chưa giao tiền với T7 nên không có thu lợi bất chính trong ngày 20/6/2021. Qua điều tra, thấy rằng, từ tháng 6 năm 2021 đến ngày 19/6/2021 bị cáo Võ Thị M đã thực hiện hành vi tổ chức ghi ô số đề và nhận phôi ghi ô số đề trái phép thắng thua bằng tiền cho người có nhu cầu mua ô số đề và giao lại cho người có tên T7 không rõ nhân thân lai lịch, thu lợi bất chính tổng số tiền 4.128.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo M còn trực tiếp bỏ tiền tham gia mua ô số đề với T7 các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 12.497.000 đồng (trong đó tiền đánh bạc là 7.397.000 đồng, tiền thắng là 5.100.000 đồng); tham gia mua ô số đề với T7 đài xổ số Miền Bắc với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 17.618.000 đồng (trong đó tiền đánh bạc là 7.418.000 đồng, tiền thắng là 10.200.000 đồng). Bị cáo Cao Văn P tham gia mua ô số đề ngày 20/6/2021 của bị cáo M các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền 7.200.000 đồng. Bị cáo Cao Văn T mua ô số đề ngày 20/6/2021 của M các đài xổ số tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang với tổng số tiền là 6.366.000 đồng. Kết quả xổ số bị cáo P và T không có trúng thưởng và không có thu lợi bất chính. Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Thị M có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Cao Văn P và bị cáo Cao Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Bị cáo M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” không có tình tiết tăng nặng; phạm tội “Đánh bạc” với tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P và bị cáo T phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo M tự nguyện giao nộp lại tiền thu lợi bất chính và tiền sử dụng đánh bạc, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P, T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bà Trịnh Thị C1 là mẹ ruột là người có công Cách Mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo P và T mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo đều kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ và hưởng án treo. Thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Võ Thị M: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này bị cáo M vi phạm cùng một lúc 02 tội, trong đó tội “Tổ chức đánh bạc” là tội phạm nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị M, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3.2] Đối với các bị cáo Cao Văn P và Cao Văn T: Các bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa P là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nên đối với các bị cáo không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với các bị cáo, thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Văn T và Cao Văn P, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, cho các bị cáo P và T được hưởng án treo là có căn cứ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo P và T không phải chịu án phí. Bị cáo M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Võ Thị M

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Văn P và Cao Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, cho các bị cáo Cao Văn T và Cao Văn P được hưởng án treo.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thị M 01 (một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thị M 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị M chấp hành hình phạt chung 02 tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn P và bị cáo Cao Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Cao Văn P 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (là ngày 29/8/2022)

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (là ngày 29/8/2022)

Giao các bị cáo Cao Văn T và Cao Văn P về Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Võ Thị M phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Cao Văn T và Cao Văn P không phải chịu án phí.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long an;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Long An
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng